

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H
Số: 13 /2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V, ngày 09 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T – SN: 1979
HKTT tại: Số nhà 13/273 đường Đ, Khu 3, phường B, TP H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T – SN: 1979
HKTT tại: Ga L, xã L, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:Cháu Phạm Vân H–SN:22/08/2003
HKTT tại: Số nhà 13/273 đường Đ, Khu 3, phường B, TP H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Ngọc T đều xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chấp nhận Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tự thỏa thuận với nhau giao cháu: Cháu Phạm Vân H – SN: 22/08/2003 cho chị Trần Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị.

Anh Phạm Ngọc T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở quyền này.

Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức: Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Ngọc T xác định anh chị không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích T tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000302 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm chị T đã nộp đủ. Trả lại chị T 150.000 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã L, Phường B
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn T